

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 7 - 2026

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thúy Hằng.

Ông Nguyễn Tất Thành.

Thư Bảo phiên tòa: Ông Quang Lương H - Thư Bảo Tòa án nhân dân khu vực 9 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 96/2026/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 334/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vy Thị B**, sinh năm 1994. Số CCCD: 040194035586.

Nơi cư trú: Bản N, xã B, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Kha Văn T**, sinh năm 1992. Số CCCD: 040092030418.

Nơi cư trú: Bản N, xã B, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vy Thị B trình bày:

- Về tình cảm: Chị Vy Thị B và bị đơn anh Kha Văn T đăng B kết hôn với nhau vào ngày 30 tháng 01 năm 2013 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An (nay là xã B). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

vợ chồng chị tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xích mích lẫn nhau, anh Kha Văn T thường xuyên sử dụng rượu bia và nghiện ma túy, có hành vi chửi bới xúc phạm chị B. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, vì vậy từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng chị không còn sống chung với nhau, chị về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Chị B thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Kha Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên là Kha Thị Hiền D, sinh ngày 09/5/2012. Ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Vy Thị B và anh Kha Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Vy Thị B và anh Kha Văn T không vay nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Kha Văn T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Vy Thị B được ly hôn với anh Kha Văn T; Về con chung: Giao con chung Kha Thị Hiền D, sinh ngày 09/5/2012 cho chị Vy Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị B không yêu cầu; Về tài sản và nợ chung: Chị Vy Thị B và anh Kha Văn T không có tài sản chung và không có các khoản nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; Về án phí: Chị Vy Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, bị đơn hiện cư trú tại bản N, xã B, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thông báo, triệu tập theo thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án; Bị đơn không chấp hành các quyết định của Tòa án, gây khó khăn cho công tác thu thập chứng cứ. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt, niêm yết cho đương sự hợp lệ, nhiều lần. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Vy Thị B và anh Kha Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 01 năm 2013 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân giữa chị B và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xích mích lẫn nhau, anh T thường xuyên sử dụng rượu bia và nghiện ma túy, có hành vi chửi bới, xúc phạm nhân phẩm chị B. Tại phiên tòa anh T vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương cho thấy giữa vợ chồng chị B và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vì vậy mà hiện nay hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau nữa. Như vậy, chị B và anh T đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng. Xét thấy, giữa chị B và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Vy Thị B được ly hôn với anh Kha Văn T.

[3] Về con chung: Chị Vy Thị B và anh Kha Văn T có 01 người con chung tên là Kha Thị Hiền D sinh ngày 09/5/2012 hiện nay con đang do chị B chăm sóc nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy khi cha,

mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về vật chất lẫn tinh thần. Qua xác minh và lời khai của chị B thì anh T không quan tâm chăm sóc vợ con và thường xuyên sử dụng rượu bia và nghiện ma túy, đồng thời xét nguyện vọng của cháu Kha Thị Hiền D là được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn để được chăm sóc giáo dục tốt hơn. Như vậy nguyện vọng của chị B là chính đáng, thể hiện tinh thần và trách nhiệm của cha mẹ dành cho con. Xem xét về điều kiện nuôi con thấy rằng chị B có đủ điều kiện để chăm sóc và giáo dục con, vì vậy việc giao con cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi Kha Thị Hiền D sinh ngày 09/5/2012 trưởng thành là phù hợp, anh Kha Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị B không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và các khoản nợ: Do các đương sự không có tài sản chung, không có các khoản nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vy Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vy Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Vy Thị B được ly hôn với anh Kha Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Kha Thị Hiền D sinh ngày 09/5/2012 cho chị Vy Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Kha Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị B không yêu cầu. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Anh Kha Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh Kha Văn T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Vy Thị B cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Kha Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Vy Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001959 ngày 24 tháng 3 năm 2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Nghệ An; chị Vy Thị B đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 9 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Bình Chuẩn;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Hải

